

Số: 722 /QĐ-UBND

Thanh Yên, ngày 10 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai bổ sung dự toán
chi ngân sách nhà nước năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Quyết định số 2828/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;
Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 31/07/2026 của UBND xã Thanh Yên về việc giao bổ sung kinh phí cho Trạm Y tế xã Thanh Yên để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2026;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Thanh Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 xã Thanh Yên như sau:

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Trang Thông tin điện tử xã (đăng tải);
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Tuấn

Đơn vị: UBND xã Thanh Yên
Chương: 800

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số: 722/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2026
của UBND xã Thanh Yên)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán bổ sung kinh phí năm 2026 giao cho cơ quan, đơn vị	Mã số ĐVSDNS
1	2	3	4	5
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		3.135.070.000	
I	Nguồn ngân sách trong nước		3.135.070.000	
1	Chi quản lý hành chính		-	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		2.965.670.000	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	13	2.676.780.000	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12	288.890.000	
5	Chi bảo đảm xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
11	Chi thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	18	169.400.000	
II	Nguồn vốn viện trợ			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			